TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2017/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2017
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

Ông Nguyễn Thành Biên

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Hoàng Trần Trọng An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 114/2016/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2016 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1249/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 3/67/152 C, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1984; quê quán: L, huyện T thành phố Hải Phòng; hiện cư trú tại: H, Cộng hoà liên bang Đức, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản khai, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày:

Anh L và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/8/2005 tại Uỷ ban nhân dân phường Dư Hàng Kênh, quận L, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó do làm ăn thua lỗ nên anh chị phát sinh mâu thuẫn, gia đình hai bên đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2012 chị H sang Đức làm ăn và không có ý định về Việt Nam. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Lịch đề nghị được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hải A, sinh ngày 29/8/2006 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/8/2009. Trong trường hợp ly hôn anh đề nghị Toà án giao 02 con cho chị Hằng nuôi theo nguyện vọng của chị H. Hiện tại các cháu vẫn đang ở cùng với anh, vì vậy anh tiếp tục chăm sóc các cháu cho đến khi nào chị H có đủ điều kiện bảo lãnh cho các con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa Anh L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con chung: Anh đề nghị Tòa giao hai con chung Nguyễn Hải A và Nguyễn Anh T cho anh nuôi dưỡng đến khi nào chị H có đủ điều kiện anh xin thay đổi nuôi con theo nguyện vọng của các con và chị Hằng. Về việc cấp dưỡng nuôi con Anh L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 83, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho Anh L được ly hôn với chị H. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Hải A và Nguyễn Anh T cho Anh L nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Thanh L và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/8/2005 tại Uỷ ban nhân dân phường Dư Hàng Kênh, quận L, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị H là bị đơn hiện đang cư trú tại CHLB Đức. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm đ khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Toà án đã tiến hành ủy thác tư pháp để tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định khoản 2 và khoản 4 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đến thời điểm mở phiên toà lần 2, Toà án chưa nhận được kết quả uỷ thác tư pháp. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

Quá trình chung sống: Anh L và chị H sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng làm kinh tế bị thua lỗ. Năm 2012 chị H sang Đức, hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Xét thấy: Tình cảm giữa Anh L và chị H không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh L xử cho Anh L được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hải A, sinh ngày 29/8/2006 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/8/2009. Mặc dù 02 cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ nhưng do chưa xác định được điều kiện của chị Hằng về việc nuôi con chung, hiện nay các cháu đang được Anh L nuôi dưỡng và tại phiên tòa Anh L đề nghị được nuôi các con. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho con chung về mọi mặt nên giao cả 02 con chung cho Anh L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; không ai được quyền cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau này Anh L chị H đều có quyền xin thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con Anh L không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp: Anh L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí uỷ thác t ư pháp theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Chị H và Anh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm đ khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 44, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh L được ly hôn với chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hải A, sinh ngày 29/8/2006 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/8/2009 cho anh Nguyễn Thanh L nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Thanh L không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

Không ai được quyền cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp:

Anh Nguyễn Thanh L phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng lệ phí uỷ thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 0003658 ngày 07 tháng 10 năm 2016 và 150.000đồng tiền tạm ứng lệ phí uỷ thác tư pháp theo biên lai số 0003685 ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Thanh L đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ nộp lệ phí ủy thác tư pháp để tống đạt bản án cho chị Trần Thị H.

5.Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Thanh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường D;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Thủy